TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **536**/2023/KDTM-ST
Ngày: 19/4/2023
V/v tranh chấp về vận chuyển hàng hóa quốc tế

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Thực

2. Ông Phạm Văn Hễ

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hồ Thị Kim Oanh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Ông Trần Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 03, ngày 13 và ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-KDTM ngày 07 tháng 03 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vận chuyển";

Theo các Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2023/QĐXXST-KDTM ngày 31/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1354/2023/QĐST-KDTM ngày 23/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: CLN Co.,Ltd; địa chỉ: 13&147 F số 10, khu 3 đường M, quận T , thành phố Đ, Đài Loan

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Bà H; ông Ông H là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 26/3/2021); địa chỉ: Phòng 1605 tầng 16 Sài Gòn R 2A-4A T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông L là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Tư vấn Đ tại Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Phòng 1605 tầng 16 Sài Gòn R Center 2A-4A T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Ix ; địa chỉ: 61 N, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà T H là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 430/QĐ-INX ngày 14/6/2021);

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án do người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Khoảng tháng 8 - tháng 9 năm 2018, CLN Co.,Ltd (gọi tắt là CNC) nhận "lô hàng" là 50 container gạo trắng giao bởi Công ty CP Tập đoàn Ix (gọi tắt là Ix) để vận chuyển trên tàu "Castor N" từ cảng Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến cảng Manila North, Philippines. Hợp đồng vận chuyển giữa các bên là Vận đơn số ASC0185980 ("Vận đơn") do CNC cấp cho Ix vào ngày 04 tháng 9 năm 2018.

Khi đến cảng dỡ hàng ở Philippines, Ix và Người nhận hàng được ghi trên Vận đơn là Sta.Cruz Multi-Purpose Cooperative đã không thực hiện việc nhận Lô hàng nói trên vì các bên này không xin được giấy phép nhập khẩu của Cơ quan Lương thực Quốc gia Philippines.

Do Người nhận hàng và Ix không hoàn thành các yêu cầu của cơ quan chức năng của Philippines về thủ tục nhập khẩu, "lô hàng" đã bị lưu lại tại cảng trong một thời gian dài mà không được xử lý. Điều này đã làm cho CNC phải chịu thiệt hại phát sinh từ các khoản phí lưu kho và lưu bãi do việc vi phạm hợp đồng của Người nhận hàng và Ix. Những thiệt hại cụ thể là CNC không thể nhận lại các container rỗng của "lô hàng" này và phải chịu các chi phí phát sinh thay cho Người nhận hàng và Ix trước khi "lô hàng" bị Chính phủ Philippines tịch thu và Cục bán đấu giá của Hải quan Philippines bán đấu giá ngày 24 tháng 5 năm 2019. Theo đó, tổng số tiền lưu kho và lưu bãi được tính từ ngày "lô hàng" lẽ ra phải được nhận đến ngày 15 tháng 03 năm 2021 là 2.341.838,82 Đô la Mỹ tương đương với 54.260.405.459,4 đồng (1 Đô la Mỹ = 23.170 đồng). CNC yêu cầu Ix bồi thường những chi phí này bởi những căn cứ sau đây:

Bằng việc không tiến hành nhận "lô hàng" và trả lại các container rỗng cho CNC, Ix đã vi phạm các nghĩa vụ hợp đồng quy định tại các Khoản 11.2; 26.4 và 26.5 thuộc Các Điều khoản chung của Vận đơn. Căn cứ vào Khoản 11.2 và 26, CNC Line có quyền yêu cầu và Ix có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ các chi phí và phí tổn phát sinh từ việc này.

Do vậy, CNC yêu cầu Ix phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 2.341.838,82 Đô la Mỹ tương đương với 54.260.405.459,4 đồng.

Tại bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện bị đơn trình bày:

Ix có ký hợp đồng số 1163X/INX-APG/18 ngày 25 tháng 08 năm 2018 với công ty Ap Global Trade Limited Quốc tịch Hông Kông (gọi tắt là AP) để bán 2080 tấn gạo theo giá CIF và theo chỉ định của người mua là AP thì hàng được giao tại cảng Manila Philippines cho Người nhận là công ty Sta.Cruz Multi-Purpose Cooperative Quốc tịch Philippines (Sta.Cruz).

Thực hiện hợp đồng bán gạo này thì Ix thông qua Công ty TNHH Đ D là người thuê tàu trực tiếp với CNC để chuyển hàng đến cảng Manila Philippines. Hợp đồng này được giao thành 02 lô hàng, lô hàng thứ nhất số vận đơn

ONEYSGNU73002800 với khối lượng 780 mts, tương ứng với 37.5% tổng khối lượng hợp đồng, ngày tàu tới là 16/9/2018 Người mua đã hoàn tất thanh toán và nhận hàng; Lô hàng thứ hai số Vận đơn: ASC0185980 với khối lượng 1300 mts, tương ứng 62.5% tổng khối lượng hợp đồng, ngày tàu tới là 14/9/2018 Người mua đã thanh toán tiền hàng và nắm giữ Vận đơn nhưng không nhận hàng.

Do Ix bán cho AP theo giá CIF được hiểu là giá bán bao gồm tiền hàng, phí bảo hiểm và cước phí trả tới cảng của Người mua và khi hàng đến cảng của Người mua thì quyền sở hữu lô hàng đã thuộc về Người mua và Người mua có trách nhiệm trả tất cả các chi phí lưu kho, lưu bãi cũng như hoàn trả container rỗng cho hãng tàu. Đối với Người gửi hàng là Ix thì nghĩa vụ thanh toán cước phí cho Người Vận chuyển đã hoàn thành, đối với Người nhận hàng thì nghĩa vụ nhận hàng được coi là vi phạm. Do quyền sở hữu hàng hóa đã chuyển sang cho Người nhận hàng nhưng Người nhận hàng đã không nhận hàng do vậy Người vi phạm nghĩa vụ với Người vận chuyển ở đây là Người nhận hàng. Và do Người gửi hàng (Ix) không vi phạm nghĩa vụ nên Người nhận hàng phải chịu trách nhiệm độc lập đối với Người vận chuyển về việc không trả container rỗng hay các chi phí phát sinh từ việc này. Căn cứ Điều khoản bổ sung của Vận đơn do CNC phát hành, CNC phải khởi kiện Người nhận hàng là Sta.Cruz (Người cầm giữ Vận đơn) để yêu cầu bồi thường thiệt hại chứ không phải khởi kiện Ix vì khi Hợp đồng vận chuyển xác lập mối quan hệ pháp lý giữa ba bên là Người vận chuyển, Người gửi hàng và Người nhận hàng thì bên nào vi phạm nghĩa vụ với Người vận chuyển thì bên ấy có nghĩa vụ bồi thường. Hơn nữa, trong phạm vi quyền hạn của mình theo các quy định Điều 11.2, 11.4 và Điều 13 Vận đơn thì CNC đã không thực hiện ngay các quyền của mình theo Vận tải đơn khi Người nhận hàng không nhận hàng trong một thời gian hợp lý để giảm thiểu thiệt hại. Ix không đồng ý toàn bộ yêu cầu của CNC.

Tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29/11/2022 thì các tài liệu do các bên xuất trình được xác định là chứng cứ gồm:

Nguyên đơn nộp: Xác nhận đặt chỗ số ASC0185980 ngày 24/8/2018; Hóa đơn số PRINV79056359 ngày 15/3/2021; Vận đơn số ASC185980; Biên lai số 01884774313 ngày 11/12/2020 của cục hải quan Philippines; Biên lai thu tiền số 4680111 ngày 11/12/2020 của cục hải quan Philippines; Thông báo kết quả bán đấu giá ngày 17/12/2020 của cục hải quan Philippines; Giấy phép lấy hàng qua cổng được cấp bởi cục hải quan Philippines; Quyết định số 03-2020 của cục hải quan Philippines; Quy định về xử lý hàng hóa bị thu giữ, bị bỏ, bị tịch thu tại hải quan của Philippines; Thông báo hàng dự kiến đến cảng ngày 19/9/2018; Thư điện tử CNC gửi Sta.Cruz nhắc nhở đến nhận hàng và thông báo chi phí lưu giữ vỏ Công-ten-nơ phát sinh; Chuỗi email CNC gửi cho Công ty Đ D về việc yêu cầu Sta.Cruz đến lấy hàng.

Bị đơn nộp: Hóa đơn VAT số 0004955, Hóa đơn VTA số 0004956, Hóa đơn VAT số 0004957 cùng do Công ty Đ D phát hành thu cước, phí vận đơn số ASC185980; Giấy báo có về thanh toán cước, phí của Ix cho Đ D; Chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu gạo; Hợp đồng mua bán số 1163X/INX-APG/18 ngày

25/8/2018, Hóa đơn thương mại; Xác nhận của BIDV về việc đã giao bộ chứng từ hàng hóa cho người mua.

Toà án đã tiến hành hoà giải các bên đương sự nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

- *Người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: giữ nguyên nội dung đã trình bày tại đơn khởi kiện và biên bản hòa giải ngày 10/01/2023, tuy nhiên xác định lại căn cứ cho yêu cầu khởi kiện là các quy định cụ thể tại khoản 11.1; khoản 26.1 và 26.5 thuộc Các Điều Khoản Chung của Vận đơn số ASC185980 đã phát hành cho "Lô hàng" và yêu cầu Tòa án áp dụng Bộ luật Hàng Hải Việt Nam và các pháp luật Việt Nam có liên quan để giải quyết vụ án.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* giữ nguyên nội dung đã trình bày tại biên bản hòa giải ngày 10/01/2023 và đề nghị Tòa án áp dụng pháp luật đã được quy định trong Vận đơn là "Công ước quốc tế thống nhất một số quy định về vận đơn đường biển, ký tại Brussels ngày 25/08/1924 bao gồm các sửa đổi của Nghị định thư được ký tại Brussel năm 1968 và năm 1979 (gọi tắt là Công ước Brussel) để giải quyết vụ án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án thẩm phán đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ đơn khởi kiện và các chứng cứ do các đương sự cung cấp; căn cứ quá trình tranh tụng tại phiên tòa Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối chiếu với các quy định trong Vận đơn đã phát hành là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung trình bày trong đơn khởi kiện thì tranh chấp phát sinh từ vận chuyển hàng hóa quốc tế giữa nguyên đơn là pháp nhân có quốc tịch Đài Loan và bị đơn pháp nhân có quốc tịch Việt Nam và có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 2 Điều 464, điểm b khoản 1 Điều 469

Bộ luật Tố tụng dân sự và xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về vận chuyển hàng hóa quốc tế"

[2] Về áp dụng pháp luật: các chủ thể (pháp nhân) tham gia vào vận chuyển hàng hóa với các Quốc tịch khác nhau gồm Việt Nam (bị đơn), Đài Loan (nguyên đơn), Hồng Kông (Người mua hàng) và nơi xảy ra thiệt hại (nguyên nhân dẫn đến tranh chấp) trong vụ án là ở tại Philippines (Người nhận hàng). Vì vậy, đây là quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 663 Bộ luật Dân sự 2015; nên việc xác định pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài theo quy định tại Điều 664 Bộ luật Dân sự 2015 như sau:

" Điều 664. Xác định pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài

1. Pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được xác định theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc luật Việt Nam.

2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc luật Việt Nam có quy định các bên có quyền lựa chọn thì pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được xác định theo lựa chọn của các bên.

3. Trường hợp không xác định được pháp luật áp dụng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì pháp luật áp dụng là pháp luật của nước có mối liên hệ gắn bó nhất với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài đó."

[3] Tại phiên tòa Nguyên đơn và Bị đơn không thống nhất về việc lựa chọn pháp luật áp dụng, cụ thể: Phía nguyên đơn yêu cầu áp dụng các quy định trong Vận đơn và Bộ luật Hàng hải Việt Nam để làm căn cứ giải quyết yêu cầu khởi kiện của mình, còn phía Bị đơn thì yêu cầu Tòa án áp dụng những nội dung đã được quy định tại Vận đơn để làm căn cứ giải quyết tranh chấp, trường hợp trong Vận đơn quy định không rõ hoặc không có quy định thì áp dụng Công ước quốc tế để thống nhất một số quy tắc về vận đơn đường biển, ký tại Brussels ngày 25/8/1924 (công ước Brussels) làm cơ sở giải quyết tranh chấp.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng việc Nguyên đơn yêu cầu áp dụng Bộ Luật Hàng Hải Việt Nam là không phù hợp bởi lẽ tại Điều 2 của luật này quy định đối tượng áp dụng như sau: "*Bộ luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động hàng hải tại Việt Nam*"; Đồng thời tại khoản 4 Điều 3 của luật này cũng quy định về Nguyên tắc áp dụng pháp luật khi có xung đột pháp luật, như sau: "*Trường hợp quan hệ pháp luật liên quan đến hợp đồng vận chuyển hàng hóa thì áp dụng pháp luật của quốc gia nơi hàng hóa được trả theo hợp đồng*". Do vậy, yêu cầu áp dụng các quy định trong Bộ luật Hàng hải Việt Nam của Nguyên đơn để giải quyết tranh chấp không được chấp nhận, những lập luận của Nguyên đơn dựa trên việc dẫn chiếu quy định của luật này là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[5] Hội đồng xét xử thấy rằng việc Nguyên đơn và Bị đơn yêu cầu áp dụng những nội dung đã được quy định tại Vận đơn để làm căn cứ giải quyết tranh

chấp là phù hợp. Đồng thời Bị đơn yêu cầu trong trường hợp Vận đơn quy định không rõ hoặc không có quy định thì áp dụng Công ước quốc tế … về vận đơn đường biển, ký tại Brussels ngày 25/8/1924 để giải quyết tranh chấp là phù hợp với ý chí của các bên thể hiện trên Vận đơn và đúng với nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự Việt Nam là tôn trọng sự thỏa thuận của các bên và phù hợp với thông lệ quốc tế. Do vậy, yêu cầu này của Bị đơn được chấp nhận.

[6] Xác định các đương sự trong vụ án:

CLN Co.,Ltd, Quốc tịch Đài Loan tham gia tố tụng là Nguyên đơn có đại diện hợp pháp là bà Bà H và/hoặc ông H là người đại diện theo ủy quyền.

Công ty CP Tập đoàn Ix, Quốc tịch Việt Nam tham gia tố tụng là Bị đơn có đại diện hợp pháp là bà T H là người đại diện theo ủy quyền.

Ngoài ra, trong nội dung trình bày của Nguyên đơn, Bị đơn có đề cập đến một số pháp nhân có liên quan như Ap Global Trade Limited Quốc tịch Hông Kông, Sta.Cruz Multi-Purpose Cooperative Quốc tịch Philippines, Công ty TNHH Thế giới Đ D, tuy nhiên xét thấy cả Nguyên đơn và Bị đơn đều có ý kiến yêu cầu Tòa án không đưa các đương sự này vào tham gia tố tụng và cũng không có đương sự nào tự yêu cầu đưa họ vào tham gia tố tụng, đồng thời qua việc giải quyết vụ án không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của họ. Do vậy, thấy không cần thiết đưa họ vào tham gia tố tụng là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[7] Xác định các tài liệu do đương sự xuất trình được xác định là chứng cứ trong vụ án:

[8] Tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29/11/2022, đã ghi nhận ý kiến của Nguyên đơn và Bị đơn đã thừa nhận các tài liệu do phía đương sự khác xuất trình, trừ tài liệu là bản photo của "Chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu gạo" do Bị đơn xuất trình vì chưa được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 và Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tài liệu đã ghi nhận tại biên bản này là chứng cứ vụ án, ngoại trừ "Chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu gạo".

[9] Tại phiên tòa Bị đơn nộp bổ sung tài liệu là vi bằng số 115/2023/VB-TPL do Văn phòng thừa phát lại Quận 5 lập ngày 22/3/2023 để ghi nhận nguồn gốc văn bản pháp luật nước ngoài là "Công ước quốc tế brussels" mà Bị đơn cung cấp cho Tòa án được tải về từ trang web "https://thuvienphapluat.vn". Tài liệu này cũng đã được Bị đơn cung cấp cho Nguyên đơn tại phiên tòa ngày 23/03/2023. Xét thấy tài liệu này được Bị đơn thu thập từ nguồn dữ liệu điện tử hợp pháp theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xác định là chứng cứ vụ án.

[10] Xét nội dung tranh chấp:

[11] Căn cứ lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, cùng với các chứng cứ vụ án, Hội đồng xét xử xác định như sau:

[12] Bị đơn có ký hợp đồng để bán 2080 tấn gạo cho Công Ty Ap Global Trade Limited (AP) và theo chỉ định của AP thì hàng được giao tại cảng Manila Philippines cho Người nhận là Sta.Cruz Multi-Purpose Cooperative (Sta.Cruz).

[13] Bị đơn thông qua Công ty TNHH Đ D là người trực tiếp thuê tàu của Nguyên đơn để chuyển 2080 tấn gạo đến cảng Manila Philippines. Số gạo được chia thành 02 lô hàng, lô hàng thứ nhất được nguyên đơn chuyển theo vận đơn số ONEYSGNU73002800 với khối lượng 780 mts, tương ứng với 37.5% tổng khối lượng, ngày tàu tới là 16/9/2018 phía AP đã hoàn tất thanh toán và Sta.Cruz đã nhận hàng; Lô hàng thứ hai được nguyên đơn chuyển theo Vận đơn số ASC0185980 với khối lượng 1300 mts, tương ứng 62.5% tổng khối lượng, ngày tàu tới là 14/9/2018 phía AP đã hoàn tất thanh toán và Sta.Cruz nắm giữ Vận đơn nhưng không nhận hàng.

[14] Do lô hàng theo Vận đơn số ASC0185980 không có người nhận nên làm cho Nguyên đơn phát sinh tiền lưu vỏ Công-ten-nơ và phí lưu bãi, khoản tiền này theo Nguyên đơn tính từ ngày "lô hàng" lẽ ra phải được nhận đến ngày 15 tháng 03 năm 2021 là 2.341.838,82 Đô la Mỹ tương đương với 54.260.405.459,4 đồng. Vì vậy Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn bồi thường những chi phí này. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn vì cho rằng Bị đơn không phải là người gây ra những thiệt hại nêu trên của Nguyên đơn.

[15] Nguyên đơn lập luận và nêu các căn cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện như sau: khi tàu đến cảng Manila Philippines thì phía Nguyên đơn đã thông báo nhiều lần cho Người nhận hàng được ghi trên Vận đơn là Sta.Cruz Multi-Purpose Cooperative nhưng không thấy hồi đáp, do vậy Nguyên đơn cũng đã thông báo cho phía Người thuê tàu là Đ D về việc không có người nhận hàng nhưng cũng không nhận được phản hồi. Bằng việc không tiến hành nhận lô hàng và trả các container rỗng cho Nguyên đơn, Bị đơn đã vi phạm các nghĩa vụ hợp đồng quy định tại các khoản 11.3; 26.1; 26.5 thuộc các Điều khoản chung của vận đơn, Nguyên đơn có quyền yêu cầu và Bị đơn có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ các chi phí và tổn thất phát sinh từ việc này.

[16] Đối chiếu lập luận trên của Nguyên đơn và chứng cứ vụ án là Vận đơn số ASC185980:

Điều khoản 11.3 vận đơn quy định: *Nếu, dù bằng hành động hay thiếu sót, Người liên quan đến lô hàng trực tiếp hoặc gián tiếp ngăn cản, trì hoãn hoặc cản trở việc dỡ hàng hoặc giao hàng, thì mọi chi phí, phí tổn hoặc trách nhiệm pháp lý phát sinh như vậy phải do Người liên quan đến lô hàng chịu toàn bộ*.

Điều khoản 26.1 vận đơn quy định: *Tất cả những bên nằm trong định nghĩa về Người liên quan đến lô hàng trong Khoản 1 phải chịu trách nhiệm liên đới và độc lập đối với Người vận chuyển về việc thực hiện đầy đủ tất cả nghĩa vụ mà Người liên quan đến lô hàng cam kết trong Vận đơn này, và vẫn chịu trách nhiệm như vậy trong suốt quá trình Vận chuyển bất kể họ có chuyển giao Vận đơn này và/hoặc quyền sở hữu Hàng hóa cho bất kỳ Người thứ ba nào. Trách nhiệm pháp lý này bao gồm nhưng không giới hạn ở án phí, chi phí và phí luật sư phát sinh trong việc thu phí và các khoản tiền nợ Người vận chuyển.*

Điều khoản 26.5 vận đơn quy định: *Bên liên quan đến lô hàng có trách nhiệm hoàn trả những Công-te-nơ rỗng, được Bên vận chuyển cung cấp hoặc được cung cấp thay mặt cho Bên vận chuyển, với bên trong sạch sẽ, đến địa điểm do Bên vận chuyển, người phục vụ hoặc đại lý của Bên vận chuyển chỉ định trong thời gian quy định và có cùng tình trạng với lúc được xuất đi. Nếu Công-te-nơ không được trả lại trong thời gian quy định trong Biểu phí và/hoặc không có cùng tình trạng với lúc được xuất đi, Bên liên quan đến lô hàng phải chịu trách nhiệm về việc giữ, lưu bãi, và/hoặc tổn thất theo ngày hoặc các chi phí phát sinh từ việc này*.

[14] Hội đồng xét xử thấy rằng nội hàm tại các quy định trên không phù hợp với tình huống mà Nguyên đơn trình bày trong vụ án, không có nội dung nào trong các điều khoản trên liên quan đến trường hợp "hàng hóa không có người nhận". Bị đơn không trực tiếp thuê tàu của Nguyên đơn mà thuê qua Đ D, Bị đơn cũng không thanh toán cước phí vận chuyển cho Nguyên đơn mà thanh toán cước phí vận chuyển cho Đ D. Nguyên đơn thu tiền cước vận chuyển từ Đ D nên khi xảy ra sự việc Người nhận hàng (theo vận đơn) không đến nhận hàng thì Nguyên đơn cũng chỉ thông báo cho Người nhận hàng và Đ D để phối hợp xử lý mà không gửi thông báo cho Bị đơn biết. Do vậy, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp này là không có cơ sở theo các điều khoản Vận đơn đã viện dẫn và không phù hợp với thực tế khách quan của sự việc.

[15] Bị đơn lập luận phản bác và nêu các căn cứ chứng minh như sau: Bị đơn đã thanh toán trực tiếp và đầy đủ tiền cước vận chuyển cho Đ D, đồng thời Bị đơn đã nhận được thanh toán đầy đủ tiền mua hàng từ AP nên đã chuyển giao bộ chứng từ đầy đủ bao gồm Vận đơn cho người mua (Bộ chứng từ đầy đủ này đã được ngân hàng bên Người mua nhận vào ngày 07/09/2018 và Người nhận hàng đã nhận giấy tờ gốc vào ngày 22/10/2018 (chứng cứ là văn bản thông báo giao dịch của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam ngày 04/10/2022). Do quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển cho Người nhận hàng nhưng Người nhận hàng đã không nhận hàng do vậy bên vi phạm nghĩa vụ với Người vận chuyển ở đây là Người nhận hàng nên phải chịu trách nhiệm độc lập đối với Người vận chuyển về các chi phí phát sinh từ việc này. Hơn nữa, trong phạm vi quyền hạn của mình thì Nguyên đơn đã không thực hiện ngay các quyền của mình khi Người nhận hàng không nhận hàng trong một thời gian hợp lý để tránh thiệt hại. Bị đơn việc dẫn các quy định Điều khoản bổ sung; Điều khoản 11.2, 11.4 và Điều 13 của Vận đơn ASC185980 để chứng minh.

[16] Đối chiếu chứng cứ là Vận đơn số ASC185980

Điều khoản bổ sung quy định: *Khi chứng từ này (được ký hậu đầy đủ) được Người giữ vận đơn xuất trình hay xuất trình thay mặt Người giữ vận đơn cho Người vận chuyển, thì quyền và trách nhiệm phát sinh từ hoặc có liên quan đến vận đơn này sẽ (...) trở thành ràng buộc về mọi mặt giữa Người vận chuyển và Người cầm giữ vận đơn như thể hợp đồng được giao kết hoặc bằng chứng được xác lập giữa các bên*.

Điều khoản 11.2 quy định: *Người liên quan đến lô hàng phải nhận hàng ngay khi có thể một cách hợp lý và trong mọi trường hợp trong thời hạn quy định tại phần Biểu phí hiện hành của Người vận chuyển (tham khảo khoản 2). Nếu Người liên quan đến lô hàng không nhận hàng, Người vận chuyển phải có quyền mở hàng hóa mà không cần thông báo nếu hàng hóa được đóng trong các công-te-nơ và/hoặc cất giữ trên bờ, để nổi, lộ thiên hoặc dưới mái che với rủi ro duy nhất thuộc về Người liên quan đến lô hàng.*

Điều khoản 11.4 quy định: *Nếu Người liên quan đến lô hàng không nhận hàng trong vòng mười ngày kể từ ngày đến hạn giao hàng theo khoản 11 (2), hoặc theo ý kiến của Người vận chuyển, hàng hóa có khả năng xấu đi, hư hỏng, trở nên vô giá trị hoặc phát sinh chi phí cho dù là lưu kho hay phí khác vượt quá giá trị của hàng hóa, thì người vận chuyển không gây ảnh hưởng đến bất kỳ quyền nào khác mà Người vận chuyển có thể có đối với Người liên quan đến lô hàng, không cần thông báo và không chịu bất kỳ trách nhiệm dưới mọi hình thức liên quan đến Người vận chuyển, có thể bán, tiêu hủy hoặc bỏ hàng và dùng bất kỳ khoản tiền bán hàng để cấn trừ vào số tiền mà Người liên quan đến lô hàng phải thanh toán cho Người vận chuyển đối với vận đơn này.*

Điều 13 quy định*: Người vận chuyển, người làm công hoặc đại lý của Người vận chuyển có quyền cầm giữ hàng hóa và bất kỳ tài liệu chứng từ liên quan đến hàng hóa đó và có quyền bán hàng hóa bằng hình thức đấu giá kín hay công khai để thu cước vận chuyển (bao gồm cả cước vận chuyển bổ sung phải trả theo khoản 12), phụ cước (tiền trả thêm cho chủ tàu, cước khống, phương tiện chuyển tải hàng từ cảng phụ đến cảng chính để xuất phát và /hoặc vận chuyển nội địa bất ký khoản phụ cước, phí lưu bãi, phí lưu kho và lưu container, phí tạm giữ, cứu hộ, đóng góp tổn thất chung và mọi khoản phí và chi phí khác dưới mọi hình thức liên quan đến hàng hóa hoặc của Người liên quan đến lô hàng cũng như chi phí và phí tổn để thực hiện quyền cầm giữ và bán hàng hóa đó cũng như đối với mọi khoản ghi nợ khác trước đó chưa được thanh toán mà Người liên quan đến lô hàng nợ Người vận chuyển.*

Nếu hàng hóa không có người nhận hàng trong một thời gian hợp lý, hoặc bất cứ khi nào theo ý kiến của người vận chuyển, hàng hóa có khả năng bị xuống cấp, hỏng hoặc vô giá trị, Người vận chuyển có thể, theo quyền tự quyết của mình và không phải chịu trách nhiệm dưới mọi hình thức,bán đấu giá, bán, từ bỏ hoặc xử lý hàng hóa đó bằng cách khác với rủi ro và chi phí thuộc về duy nhất Người liên quan đến lô hàng. Không có quy định nào trong điều khoản này ngăn cản Người vận chuyển thu hồi từ Người liên quan đến lô hàng khoản chênh lệch giữa số tiền Người liên quan đến lô hàng còn nợ Người vận chuyển và số tiền nhận được khi thực hiện các quyền được trao cho Người vận chuyển theo điều khoản này.

[17] Hội đồng xét xử thấy rằng, các Điều khoản trên đã có quy định quyền và trách nhiệm phát sinh của Người cầm giữ vận đơn đối với Lô hàng và khi "hàng hóa không có người nhận hàng" thì Người vận chuyển được quyền xử lý hàng hoá bằng mọi hình thức, bán đấu giá, bán, từ bỏ hoặc xử lý hàng hóa đó

bằng cách khác mà không cần sự đồng ý của Người liên quan đến Lô hàng, nhằm không để phát sinh thiệt hại cho chính mình. Như vậy, các Điều khoản mà Bị đơn viện dẫn làm căn cứ là phù hợp với nội dung đã trình bày của Bị đơn nên được chấp nhận.

[18] Qua phân tích nhận định và đối chiếu với chứng cứ trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đòi Bị đơn bồi thường tổng số tiền là 2.341.838,82 Đô la Mỹ tương đương với 54.260.405.459,4 đồng là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[19] Án phí sơ thẩm về kinh doanh thương mại: theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại có giá nghạch số tiền là 162.260.404 đồng. Sau khi cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001261 ngày 28/02/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, thì nguyên đơn còn phải nộp bổ sung số tiền là 81.130.202 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 464, điểm b khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của CLN Co.,Ltd yêu cầu Công ty Cổ phần Tập đoàn Ix bồi thường tiền lưu vỏ Công-ten-nơ và phí lưu bãi với tổng số tiền là 54.260.405.459 đồng do hàng hóa theo Vận đơn ASC185980 ngày 04 tháng 9 năm 2018 không có người nhận.

2. Án phí sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại: CLN Co.,Ltd phải chịu án phí số tiền 162.260.404 đồng. Sau khi cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001261 ngày 28/02/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, thì CLN Co.,Ltd còn phải nộp bổ sung số tiền là 81.130.202 đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thanh Nhàn

KTST2021TATP-649
1 000104 145217
29.06.2022 11:11
Cheng Lie Navigation Co., ltd